

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

BIỂU TƯỢNG TÌNH YÊU KIM - KIỆU TRONG CA DAO NAM BỘ

Trần Thanh Tuấn*

Việc tuyệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có ảnh hưởng từ văn học dân gian là vấn đề không cần phải bàn thêm. Bởi chính Nguyễn Du đã từng nói trong bài thơ *Thanh minh ngẫu hứng*: “Thôn ca sơ học tang ma ngữ” (Câu hát thôn dã giúp ta hiểu được tiếng nói của kẻ trồng gai, trồng dâu). Tuy nhiên, chính *Truyện Kiều*, với sự lan tỏa mạnh mẽ của nó đã trở thành “điển cố” trong văn học dân gian. Ca dao Nam Bộ, đặc biệt là mảng ca dao yêu thương tình nghĩa, cũng đã có sự tiếp nhận *Truyện Kiều* nhằm biểu đạt những sắc độ tình cảm của người bình dân ở Nam Bộ xưa...

1. *Truyện Kiều* trong các công trình sưu tầm ca dao Nam Bộ

Chúng tôi thống kê trên hai công trình sưu tầm ca dao Nam bộ: *Ca dao dân ca Nam Bộ* (1984) của nhóm tác giả Bảo Định Giang - Nguyễn Tấn Phát - Trần Tấn Vĩnh - Bùi Mạnh Nhị, và *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long* (1999) do Khoa Ngữ văn - Đại học Cần Thơ sưu tầm. Từ đó rút ra kết luận: Khi tiếp cận ca dao Nam Bộ, một điều dễ nhận thấy rằng bên cạnh điển cố từ thi liệu trong văn học Trung Quốc, những bài ca dao của vùng đất mới này còn vận dụng điển cố từ thi liệu, văn liệu của văn học Việt Nam, trong đó việc vận dụng, trích dẫn *Truyện Kiều*, đặc biệt biểu tượng tình yêu Kim - Kiều chiếm tỉ lệ cao.

Bảng thống kê tần suất xuất hiện các điển cố từ Văn học Việt Nam trong công trình *Ca dao dân ca Nam Bộ* của nhóm tác giả Bảo Định Giang - Nguyễn Tấn Phát - Trần Tấn Vĩnh - Bùi Mạnh Nhị (Nxb TP. HCM, 1984).

STT	Tên tác phẩm	Tần suất xuất hiện
1	Tuồng San hậu	1
2	Truyện Lục Vân Tiên	8
3	Truyện Kiều	5
4	Truyện Bạch Viên - Tôn Các	2
5	Truyện thơ Nhị độ mai	1
6	Truyện thơ Thầy Thông Chánh	1

(*) Trà Vinh.

**Bảng thống kê tần suất xuất hiện các điển cố từ Văn học Việt Nam
trong công trình *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long*,
của Khoa Ngữ văn - Đại học Cần Thơ (Nxb Giáo dục, 1999).**

STT	Tên tác phẩm	Tần suất xuất hiện
1	Truyện Lục Vân Tiên	4
2	Truyện Kiều	3
3	Truyện thơ Thầy Thông Chánh	1

Qua khảo sát hai bảng thống kê dễ dàng nhận thấy: hai tác phẩm được nhắc đến nhiều nhất trong ca dao Nam Bộ là hai truyện thơ Nôm nổi tiếng của văn chương cổ điển dân tộc: Truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

2. Biểu tượng Kim - Kiều trong ca dao Nam bộ

2.1. Kim - Kiều và tâm trạng tương tư trong ca dao Nam Bộ

Tâm trạng tương tư là trạng thái tâm lí mang tính phổ quát của đôi lứa yêu nhau nhưng vì lí do gì đó không được gần nhau. Sau khi dấn thân vào chốn bình khang, dù quyết đem cái chết để không phải trở thành kỹ nữ và được Tú Bà nhượng bộ đưa ra lầu Ngưng Bích để chờ ngày gả chồng, nỗi nhớ gia đình và nỗi nhớ Kim Trọng luôn luôn giày vò tâm trí Thúy Kiều. Nhớ về Kim Trọng, những hồi ức đẹp nhất trong đêm thề nguyện hiện về và cả mặc cảm:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?*

Có thể nói từ việc đồng cảm với tình cảnh ấy, người bình dân ở Ba Tri (Bến Tre) đã bộc bạch:

*Sông Tiền cá lội xòe vi,
Chị Thúy Kiều sầu anh Kim Trọng tỉ như em sầu chàng.*

Bài ca dao nhắc đến Thúy Kiều và Kim Trọng là hai nhân vật chính trong *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du. Cái đáng yêu, hồn nhiên của bài ca dao là người bình dân đã biến cặp đôi Thúy Kiều - Kim Trọng thành *chị Thúy Kiều, anh Kim Trọng* tạo nên sự gần gũi, thân tình. Nhân vật văn học như đã bước ra khỏi tác phẩm để có một đời sống mới. Lấy nỗi sầu nhớ của Thúy Kiều đối với Kim Trọng để so sánh với nỗi nhớ của mình đối với người yêu là một so sánh “đắt”, cho thấy nhân vật trữ tình rất hiểu *Truyện Kiều*. Qua đó cho thấy người bình dân có cái nhìn đầy thiện cảm đối với mối tình của “*Người quốc sắc, kẻ thiên tài*”.

Rất khác với vượt qua định kiến hẹp hòi của một số nhà Nho đương thời: “Đàn ông chớ kể Phan Trần, đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều”, ở một bài ca dao khác, người con gái Nam Bộ đã so sánh mình như nàng Kiều để khẳng định sự thủy chung:

*Em đây vốn thật nàng Kiều,
Chờ chàng Kim Trọng sớm chiều bấy lâu.*

Người con gái tự ví mình như nàng Kiều mong chờ gặp được người tri âm tri kỷ như là Kim Trọng để trao thân gửi phận. Bài ca dao thể hiện sự hâm mộ tính cách nàng Kiều của người bình dân. Đây là sự nhất quán trong sự tiếp nhận *Truyện Kiều* của giới bình dân. Khác hẳn sự tiếp nhận mang tính chất “lưỡng phân” của giới trí thức. Phải chăng chính vẻ đẹp tâm hồn của nàng Kiều cùng với sự táo bạo trong việc hướng đến tình yêu tự do có nhiều điểm tương đồng với tính cách phóng khoáng của người phụ nữ Nam Bộ?

Nếu trong bài ca dao trên người con gái tự ví mình như Thúy Kiều thì ở bài ca dao sau, chàng trai đã tự ví mình như chàng Kim Trọng:

*Trọng xa Kiều hoài vọng tư lương,
Tui tui xa người nghĩa, vọng bốn phương loan phòng.
Đêm khuya nước mắt ròng ròng,
Vui tui nhớ chữ loan phòng còn xa.
Làm sao hiệp mặt đôi ta,
Đặng tui báo hiếu mẹ cha bên mình.*

Chàng trai canh cánh nỗi niềm tương tư “Đêm khuya nước mắt ròng ròng” khi nghĩ về ngày hiệp đôi còn xa. Chàng trai mong muốn sớm được nên đôi để anh có thể giúp “người nghĩa” báo hiếu mẹ cha. Tấm lòng chân thành của chàng trai chắc chắn sẽ lay động được tâm tư tình cảm cô gái. Đặc biệt, cách gọi tên nhân vật đã được “Nam Bộ hóa” sâu sắc. Từ danh xưng Kim Trọng thành Trọng và Thúy Kiều thành Kiều trong lối diễn đạt đậm chất phương Nam “*Trọng xa Kiều hoài vọng tư lương / Tui tui xa người nghĩa, vọng bốn phương loan phòng*”.

2.2. Kim - Kiều và những cuộc chia ly trong ca dao Nam Bộ

Truyện Kiều là tác phẩm dung chứa nhiều đề tài. Trong số những đề tài ấy ca dao Nam Bộ chú ý khai thác mối tình Kim - Kiều, nội dung nổi bật của motif “Tài tử - giai nhân” thường thấy trong truyện thơ Nôm. Trong *Truyện Kiều* có ba cuộc chia ly mà sau mỗi lần chia ly ấy lại khiến cho cuộc đời Kiều có nhiều biến động lớn lao. Kiều chia tay Kim Trọng để rồi phải hy sinh thân mình cứu cha, cứu em

khỏi cơn gian biến. Kiều chia tay Thúc Sinh để rồi rơi vào bàn tay hờn ghen cay nghiệt của Hoạn Thư. Kiều chia tay Từ Hải trong cảnh tử biệt sinh ly để rồi phải trầm xuống dòng Tiền Đường oan nghiệt. Trong số ba cuộc chia ly ấy, tác giả dân gian chú ý nhiều hơn đến cuộc chia ly giữa Kim Trọng và Thúy Kiều. Ca dao vùng Ba Thê - Thoại Sơn (An Giang) đã có những hình ảnh so sánh sinh động:

Anh xa em như bướm xa hoa,

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, Bá Nha xa Tử Kỳ.

Trong bài ca dao trên, chúng tôi nhận thấy một hiện tượng đặc biệt. Đó là có sự kết hợp cả điển cố Việt Nam và Trung Quốc trong cùng một văn bản. Hiện tượng này hiếm gặp trong ca dao ở các vùng miền khác. Trong bài ca dao này ở câu thứ hai có hai điển cố, một có xuất xứ từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và một có xuất xứ thường gặp trong văn học cổ điển Trung Quốc, điển tích Bá Nha - Tử Kỳ. Điều đáng lưu ý là ở đây, điển cố lấy từ văn học Trung Quốc đã được cải biên. Điển cố Bá Nha - Tử Kỳ vốn biểu trưng cho tình bạn tri kỷ tri âm, thế nhưng tác giả dân gian đã chuyển nghĩa thành tình yêu đôi lứa. Gắn liền với biểu tượng Kim - Kiều, biểu tượng cặp đôi được người bình dân sử dụng linh hoạt:

- Em như nút, anh như khuy,

Như Thúy Kiều với Kim Trọng biệt ly sao đành.

- Sông Tiền mới thả lưới xuôi,

Thúy Kiều xa Kim Trọng như tui xa mình.

Nhiều bài ca dao cùng chung thủ pháp so sánh với biểu tượng Kim - Kiều tượng trưng cho sự gắn kết, thủy chung và cả sự chia xa, cách trở: *Anh xa em* (hoặc *Em xa anh*) [*như*] *Kim Trọng xa Thúy Kiều* (hoặc *Thúy Kiều xa Kim Trọng*) nhằm diễn tả nỗi sầu muộn khi phải ly biệt. Vậy nên vấn đề đặt ra ở đây là chủ thể phát ngôn lẫn người tiếp nhận phải gặp nhau ở chỗ hiểu rõ *Truyện Kiều* và mối tình Kim - Kiều mới có thể lĩnh hội hàm ý sâu xa của phát ngôn. Bên cạnh đó những bài ca dao Nam Bộ đã dẫn ở trên luôn thể hiện sự hô ứng giữa những cặp hình ảnh ghép đôi khăng khít, khó có thể tách rời như *bướm - hoa*, *nút - khuy* trong cái nhìn đối sánh với mối tình Kim - Kiều. Những hình ảnh giản dị, gần gũi *nút - khuy*, *sông - lưới*, *tui - mình* đặt bên cạnh biểu tượng Kim - Kiều cho thấy cái hay, cái đẹp, cái chân chất của ca dao Nam Bộ trong việc tiếp nhận cái ước lệ bác học của *Truyện Kiều*.

Trong *Truyện Kiều* có trường đoạn Nguyễn Du đã miêu tả cuộc chia tay của Kim - Kiều. Sau ngày nguyện ước dưới vầng trăng tròn vằng vặc, Kim Trọng nhận được tin thúc phụ từ trần nên cha mẹ gọi về quê hộ tang. Kim Trọng đau đớn tạm biệt Thúy Kiều. Chàng nhắc lại lời thề nguyện và hứa sẽ thủy chung với Kiều suốt

đời: “*Trăng thê còn đó trơ trơ/Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng*”. Chàng còn mong Thúy Kiều hãy giữ vẹn lòng thủy chung: “*Gìn vàng giữ ngọc cho hay/Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời*”. Nàng Kiều “Tai nghe ruột rối bời bời” ngậm ngùi than thở: “Ông tơ ghét bỏ chi nhau - Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi!”. Rồi nàng hứa với Kim Trọng: “*Cùng nhau trót đã nặng lời/Dẫu thay mái tóc dám dời lòng tơ*”. Nàng cũng không quên động viên người đi xa: “*Còn non còn nước còn dài/Còn về còn nhớ đến người hôm nay*”. Đôi trai gái khóc lóc bịn rịn dửng dăng không nở chia tay: “*Ngại ngừng một bước một xa/Một lời trân trọng châu sa mấy hàng*”. Dù quyến luyến nhau bao nhiêu thì hai kẻ yêu nhau cuối cùng cũng phải gạt lệ biệt ly: “*Buộc yên quảy gánh vội vàng/Mối sầu sả nửa bước đường chia hai*”.

Trong kho tàng ca dao Nam Bộ còn có bài ca dao thú vị với sự đồng hiện không gian:

Đường Sài Gòn trơn như mỡ,

Cát núi Sập lạnh như gương,

Dang tay đưa bạn lên đường,

Gá duyên để đó, khác chi Kim Trọng về để lại khúc đoạn trường cho Kiều nương.

Từ không gian tiền bạn, xa bạn trong đời thực, với tâm trạng chia xa đau đớn, tác giả bình dân đã liên tưởng đến không gian xa cách ước lệ qua biểu tượng Kim - Kiều: “Gá duyên để đó, khác chi Kim Trọng về để lại khúc đoạn trường cho Kiều nương”. Cái lạnh của không gian tâm trạng (*trơn như mỡ, lạnh như gương, khúc đoạn trường*) lan tỏa cả bài ca dao tô đậm thêm nỗi buồn ly biệt. Như vậy, bằng sự liên tưởng và cái nhìn triu mến người bình dân Nam Bộ như đã đem *Truyện Kiều* vào cuộc sống đời thực, Kim - Kiều sống mãi trong tâm hồn đôi lứa yêu nhau, nhất là với những cuộc tình dang dở.

2.3. Kim - Kiều và mối tình chung thủy trong ca dao Nam Bộ

Nếu như trong việc tiếp nhận *Truyện Kiều*, một số nhà Nho cực đoan có cái nhìn thiếu thiện cảm với nhân vật Thúy Kiều:

Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm,

Bán mình trong bấy nhiêu năm.

Đó đem chữ hiếu mà làm được ai!

Nghĩ đời mà ngán cho đời.

(Vịnh Thúy Kiều - Nguyễn Công Trứ)

Với cái nhìn nhân hậu, gần gũi, người bình dân vẫn lấy tình yêu Kim - Kiều làm chủ đề phản ánh với thái độ đồng cảm, tin yêu. Hai nhân vật Kim Trọng và Thúy Kiều trở thành biểu tượng cho tình yêu, nhưng được thể hiện với thái độ hâm mộ và trân trọng như là hình mẫu lý tưởng:

*Bạc với vàng còn đeo còn đỡ,
Hai đứa mình còn nhớ thương nhiều,
Nghe tiếng em, anh muốn như Kim Trọng thương Thúy Kiều thuở xưa.*

Để khẳng định tình nghĩa thủy chung, người bình dân Nam Bộ đã viện dẫn tình yêu Kim - Kiều như một chuẩn mực:

*Con gái bên Đông, có chồng bên Tống,
Tay cầm dùi trống, tay khảy đàn liêu.
Lòng dạn lòng ai dỗi dưng xiêu,
Cũng như Kim Trọng Thúy Kiều thuở xưa.*

Thậm chí từ chuẩn mực ấy, họ còn nâng tình cảm của mình lên trên cả tình cảm Kim - Kiều như một hình thức của lối thậm xưng:

*Đũa vàng dọng xuống mâm son,
So qua với bậu nghĩa hơn Kim Kiều.*

Có thể vì lý tưởng hóa tình yêu Kim - Kiều mà người bình dân Nam Bộ có cái nhìn ác cảm với Sở Khanh, một tên lợi dụng tình cảm của người phụ nữ nhẹ dạ và Thúc Sinh, một người chồng nhu nhược không đủ sức bảo vệ tình yêu:

Nữ: *Thân em mỏng mảnh,
Quê cảnh lạnh lùng,
Thuyền duyên mong sánh anh hùng,
Lại e như Kiều nọ bạn cùng Thúc Sinh.*

Nam: *Cái lòng qua chắc thật,
Không phải bạc phong lưu,
Dốc cho trọn chữ hảo cừ,
Tỉ như chàng Kim Trọng, không đo Sở Khanh.*

Trong bài ca dao người con gái sợ gặp phải dạng người yêu đuôi như Thúc Sinh, còn chàng trai đã lấy Kim Trọng làm hình mẫu lý tưởng nhằm làm cho người con gái yên tâm; đồng thời cũng đã kịch liệt phê phán Sở Khanh. Cách nói

của người bình dân thể hiện rõ cảm xúc yêu ghét, trân trọng hoặc khinh thường. Những từ ngữ trang trọng gắn liền với Kim Trọng (hào cừ, chàng Kim Trọng) và những từ nôm na gắn liền với Sở Khanh (“đồ Sở Khanh”). Thúc Sinh, Kim Trọng, Sở Khanh là những những kiểu mẫu đàn ông khác nhau trong *Truyện Kiều*, mỗi người một tính cách, một lối sống, một cách hành xử với phụ nữ không giống nhau. Bằng cách so sánh mình với chàng Kim, người con trai đã nói lên tiếng lòng của mình, ước nguyện giao kết duyên ương với người con gái bằng một tình yêu trong sáng theo lễ giáo nho phong, tri âm tri kỷ, thủy chung son sắc của bậc giai nhân tài tử.

3. Kết luận

Hình tượng Kim Trọng - Thúy Kiều trở thành biểu tượng cho tình yêu, sự chia cách và lòng chung thủy. Thế nên trong ca dao Nam Bộ có nhiều đơn vị ca dao được hình thành từ việc so sánh tình yêu chung thủy của đôi lứa yêu nhau với tình yêu của Kim - Kiều. Không chỉ dừng lại ở việc vận dụng *Truyện Kiều* như một điển cố, ca dao Nam Bộ còn có nhiều bài thể hiện trò đồ Kiều trong kết cấu đối đáp nam nữ. Đây là hình thức tiếp nhận *Truyện Kiều* hết sức lý thú trong ca dao Nam Bộ. Qua đó cũng cho thấy người bình dân Nam Bộ tiếp nhận *Truyện Kiều* chủ yếu ở chủ đề “Tài tử giai nhân”. Đặc biệt họ nhìn thấy sự tương đồng của hình tượng Kiều với tình yêu chân thành mãnh liệt, khát khao hướng đến tình yêu tự do với tính cách phóng khoáng không chịu quá nhiều sự áp chế của lễ giáo phong kiến.

T.T.T.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Du. *Truyện Kiều*. Hà Huy Giáp (giới thiệu) - Nguyễn Thạch Giang (khảo đính và chú thích) (1973). Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội.
2. Bảo Định Giang - Nguyễn Tấn Phát - Trần Tấn Vĩnh - Bùi Mạnh Nhị (1984). *Ca dao dân ca Nam Bộ*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thạch Giang (2000). *Từ điển văn học Quốc âm*. Nxb Văn hóa Thông tin.
4. Nguyễn Xuân Kính. “Ảnh hưởng của văn học chữ Hán Trung Quốc đối với thơ ca dân gian người Việt”. *Nghiên cứu văn học*, 4/2007.
5. Nguyễn Q Thắng (1998). *Tiến trình văn nghệ miền Nam*. Nxb Văn học.
6. Nhiều tác giả (1999). *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Giáo dục.

TÓM TẮT

Việc tuyệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có ảnh hưởng văn học dân gian là việc không cần phải bàn thêm. Tuy nhiên, chính *Truyện Kiều*, với sự lan tỏa mạnh mẽ của nó đã trở thành “điển cố” trong các tác phẩm văn học dân gian. Ca dao Nam Bộ cũng đã có sự tiếp nhận *Truyện Kiều* nhằm biểu đạt những sắc độ tình cảm trong mảng ca dao yêu thương tình nghĩa. Trong ca dao Nam Bộ, *Truyện Kiều* được vận dụng nhằm diễn tả tâm trạng tương tư của đôi lứa yêu nhau. Hơn thế nữa từ cuộc chia ly giữa Thúy Kiều và Kim Trọng, người bình dân Nam Bộ đã có những so sánh với những cảnh huống cụ thể mà họ muốn bộc bạch giải bày. Đồng thời trong *Truyện Kiều*, người Nam Bộ thể hiện sự ngưỡng mộ của mình đối với mối tình chung thủy giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. Tìm hiểu *Truyện Kiều* xuất hiện với tư cách là một “điển cố” của Văn học trung đại Việt Nam được người bình dân vận dụng vào trong ca dao Nam Bộ cũng là khám phá tính chất đa dạng của việc tiếp nhận *Truyện Kiều* ở vùng đất phương Nam.

ABSTRACT

KIM - KIỀU'S LOVE SYMBOL BEING IN FOLK POEMS OF THE SOUTH

Nguyễn Du's masterpiece *The Tale of Kiều* influences folklore that does not need to be discussed further. However, with its strong spread, the *Tale of Kiều* has become itself an “ancient allusion” in folk literary works. The folk poems of the South also received it to express the nuances of affection in the sentimental poems. Among them, *The Tale of Kiều* was used to express the chagrin mood of a loving couple. Moreover, from the separation between two characters of Thúy Kiều and Kim Trọng, the common people in the South have made comparisons with the specific situations that they want to disclose. At the same time, with this one the Southern people show their admiration for the faithful love of two characters. Understanding *The Tale of Kiều* appearing as an “ancient allusion” of Vietnamese medieval literature applied by popular people in Southern folk songs which were also exploring the diversity of its reception in the Southern area.